

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ văn bản số 02/BCĐTW-VPĐP ngày 28/01/2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016;

Căn cứ văn bản số 9795/BTC-HCSN ngày 15/7/2016 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015 và kinh phí đã tạm ứng cho các chương trình mục tiêu năm 2016;

Căn cứ văn bản số 5383/LĐT BXH-TCDN ngày 30/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn nhiệm vụ và tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016;

Theo Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của tỉnh Gia Lai”; Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ lao động nông thôn học nghề thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của tỉnh Gia Lai và các Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/11/2013, Quyết định 334/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 129/QĐ-UBND;

Theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kế hoạch vốn trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 179/TTr-KHĐT ngày 04/8/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ 3.130 triệu đồng (*ba tỷ, một trăm ba mươi triệu đồng*) từ nguồn dự phòng vốn sự nghiệp tại Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn Trung ương hỗ trợ thực hiện



Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016, cấp cho các đơn vị để thực hiện đào tạo nghề lao động nông thôn năm 2016.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.**

1. Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp phát và hướng dẫn các đơn vị, địa phương sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

2. Các đơn vị có tên trong danh sách tại Điều 1 tiếp nhận, sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán theo đúng quy định.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trong công tác đào tạo nghề, đảm bảo sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ KH và ĐT, Bộ Tài chính, Bộ NN và PTNT, Bộ LĐTB&XH (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, CNXD, NL, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Ngọc Thành**

**BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2016**

*(Kèm theo Quyết định số 570 /QĐ-UBND, ngày 29 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai)*



TT	Tên đơn vị	Tổng số		Trong đó			
		Số lượng (Lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Nghề phi nông nghiệp		Nghề nông nghiệp	
				Số lượng (Lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (Lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.785</b>	<b>3.130,0</b>	<b>685</b>	<b>890,5</b>	<b>2.100</b>	<b>2.205,0</b>
<b>I</b>	<b>Đào tạo nghề cho lao động nông thôn</b>	<b>2.785</b>	<b>3.095,5</b>	<b>685</b>	<b>890,5</b>	<b>2.100</b>	<b>2.205,0</b>
1	Huyện Phú Thiện	120	134	30	39,0	90	94,5
2	Huyện Chư Prông	210	243	90	117,0	120	126,0
3	Huyện Iagrai	120	134	30	39,0	90	94,5
4	Huyện Đức Cơ	330	377	120	156,0	210	220,5
5	TP. Pleiku	90	102	30	39,0	60	63,0
6	Huyện Mang Yang	240	267	60	78,0	180	189,0
7	Huyện Chư Puh	120	134	30	39,0	90	94,5
8	Huyện Kông Chro	90	95	-	-	90	94,5
9	Huyện Đak Pơ	120	126	-	-	120	126,0
10	Huyện Ia Pa	60	63	-	-	60	63,0
11	Thị xã An Khê	120	134	30	39,0	90	94,5
12	Thị xã Ayun Pa	90	95	-	-	90	94,5
13	Huyện Kbang	205	222	25	32,5	180	189,0
14	Huyện Đak Đoa	240	267	60	78,0	180	189,0
15	Huyện Chư Páh	150	165	30	39,0	120	126,0
16	Huyện Chư Sê	240	267	60	78,0	180	189,0
17	Huyện Krông Pa	240	275	90	117,0	150	157,5
<b>II</b>	<b>Kiểm tra, giám sát</b>		<b>34,5</b>				
1	Sở Lao động - TB & XH		34,5				